TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HS-ST
Ngày: 04-01- 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Trúc Thủy.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trương Thị Thìn.
2. Ông Trần Văn Chánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Tiến - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Điểu Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 674/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 745/2020/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Minh S**; tên gọi khác: Không, sinh năm 1982, tại B.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 73, N, phường 6, quận 3, thành phố H. Nơi cư trú: Không nơi ở nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, chính quyền, đoàn thể: Không; con ông Lê Hùng D; sinh năm: 1959 (còn sống) và bà Lê Thị L; sinh năm: 1961 (còn sống). Gia đình bị cáo có 04 anh chị em. Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình. Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị B; sinh năm: 1984 (đã ly hôn), (sống chung như vợ chồng với Nguyễn Trần Thanh T; sinh năm: 1984), có con là Lê Minh T; sinh năm: 2014. Tiền án: Không, tiền sự: Không; Bị cáo Lê Minh S đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam; từ ngày 19/8/2020 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa.

(Bị cáo có mặt).

2. Họ và tên: **Nguyễn Trần Thanh T**; tên gọi khác: Không, sinh năm 1984, tại thành phố H.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 697 đường L, phường 10, quận 10, thành phố H. Nơi cư trú: 64/66/10 đường N, phường 2, quận 4, thành phố H; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, chính quyền, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Đắc K; sinh năm: 1963 (còn sống) và bà Nguyễn Trần Huyền V; sinh

năm: 1963 (còn sống). Gia đình bị cáo có 03 anh chị em. Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình. Bị cáo có chồng là Bùi Anh V; sinh năm: 1986 (đã ly hôn), (sống chung như vợ chồng với Lê Minh S; sinh năm: 1982), có con là Bùi Vy D; sinh năm: 2014.Tiền án: Không, tiền sự: Không. Bị cáo Nguyễn Trần Thanh T đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/8/2020 cho đến nay.

(Bị cáo có mặt).

- *Bị hại*: Bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1952.

Địa chỉ: C95, tổ 31, khu phố 5, phường B, thành phố B, tỉnh Đ (Có mặt).

- *Người làm chứng*: Ông Lý Văn H, sinh năm 1969.

Địa chỉ: C124 tổ 31, khu phố 5, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lê Minh S và bị cáo Nguyễn Trần Thanh T sống chung với nhau như vợ chồng tại nhà trọ thuộc ấp Bình Thạch, xã Bình Hoà, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Khoảng 18 giờ 17/8/2020, bị cáo S điều khiển xe mô tô biển số 86V1 - 4775 từ phòng trọ đến phường Bửu Long, thành phố Biên Hoà. Khi đi ngang qua nhà bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1952, địa chỉ số C95, tổ 31, khu phố 5, phường B, thành phố B thấy cổng nhà bà Đinh chỉ khép hờ không có khoá nên bị cáo S nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Bị cáo S đẩy cửa đi vào bên trong lục tìm tài sản và phát hiện có 01 (một) chùm chìa khoá để trong rổ nhựa gần cửa nhà nên bị cáo S lấy chùm chìa khoá và mở được cửa nhà rồi đột nhập vào bên trong lấy trộm 01 (một) cái quạt hiệu Sunhouse, màu đỏ - đen rồi mang về phòng trọ cất giấu. Tại phòng trọ, bị cáo S có nói cho bị cáo T biết cái quạt trên do bị cáo S lấy trộm và rủ bị cáo T cùng quay lại nhà bà Đinh để tiếp tục lấy trộm các tài sản khác, thì bị cáo T đồng ý.

Khoảng 21 giờ ngày 17/8/2020, bị cáo S điều khiển xe mô tô biển số 86V1 - 4775, chở bị cáo T đi từ phòng trọ đến nhà bà Đ. Tại đây, bị cáo T đứng bên ngoài sân cảnh giới, còn bị cáo S mở cửa đột nhập vào bên trong nhà lấy trộm 02 (hai) cái loa nhãn hiệu Power Audio Electronic rồi mang về phòng trọ cất giấu.

Đến khoảng 03 giờ ngày 18/8/2020, bị cáo S và bị cáo T tiếp tục đến nhà bà Đ để lấy trộm tài sản. Bị cáo S mở cửa nhà rồi cùng bị cáo T đột nhập vào bên trong lấy trộm 01 (một) bình ga nhãn hiệu VT - Gas, loại 12kg (không có gas trong bình); 01 (một) bếp ga nhãn hiệu Sakura - SA695SG, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 306, màu xanh và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu LG - P509, màu xám mang về phòng trọ cất giấu.

Đến khoảng 17 giờ 30 phút ngày 18/8/2020, bị cáo S và bị cáo T tiếp tục đến nhà bà Đ lấy trộm tài sản. Lúc này, bị cáo T đứng bên ngoài sân cảnh giới, còn bị cáo S dùng chìa khoá mở cửa vào trong nhà lấy trộm 01 (một) tivi nhãn hiệu LG 49 inches và 01 (một) âm ly nhãn hiệu Power Audio. Khi bị cáo S và bị cáo T bỏ

các tài sản trên lên xe và chuẩn bị tẩu thoát thì bị bà Huỳnh Thị Đ và ông Lý Văn H, sinh năm 1969, hộ khẩu thường trú C124D, tổ 31, khu phố 5, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai phát hiện bắt giữ bị cáo S và bị cáo T cùng tang vật, giao công an phường B lập hồ sơ, chuyển cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra bị cáo S, bị cáo T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

- Vật chứng thu giữ gồm:

+ 01 (một) tivi LG, màu đen, màn hình 49 inches, model 49UK6340PTF;

+ 01 (một) âm ly nhãn hiệu Power, màu đen, model BA8800S;

+ 02 (hai) cái loa nhãn hiệu Power Audio Electronic, màu đen;

+ 01 (một) bình ga nhãn hiệu VT- Gas, loại 12kg (không có gas trong bình);

+ 01 (một) bếp ga nhãn hiệu Sakura — SA695SG,

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 306, màu xanh, số Imel 355192055221,

+ 01 (một) điện thoại di động nhẩn hiệu LG — P509, màu xám, số Imel 012408007384150;

+ 01 (một) cây quạt hiệu Sunhouse, model: SHD 7821.

Tất cả các vật chứng thu giữ nêu trên là tài sản của bị hại Huỳnh Thị Đ, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà đã thu hồi trả lại cho bà Đ.

+ 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Levin, màu đỏ - đen, biển số 86V1 J4775 (xe không có giấy tờ) bị cáo Lê Minh S đã sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội.

- Tại bản Kết luận định giá tài sản số 379/TCKH-HĐĐG ngày 24/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Biên Hòa đã kết luận: "01 (một) tivi LG, màu đen, màn hình 49 inches, model 49UK6340PTF; 01 (một) âm ly nhãn hiệu Power, màu đen, model BA8800S; 02 (hai) cái loa nhẫn hiệu Power Audio Electronic, màu đen; 01 (một) bình ga nhãn hiệu VT - Gas, loại 12kg (không có gas trong bình); 01 (một) bếp ga nhãn hiệu Sakura - SA695SG, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 306, màu xanh, số Imel 355192055221, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu LG - P509, màu xám, số Imel 012408007384150; 01 (một) cây quạt hiệu Sunhouse, model: SHD 7821" có giá trị định giá là 11.265.000 đồng (Mười một triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại Bản cáo trạng số 677/CT-VKSBH ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố bị cáo Lê Minh S, bị cáo Nguyễn Trần Thanh T về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo điều khoản và tội danh đã nêu trên và đề

nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo như sau: Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; và áp dụng thêm tình tiết người phạm tội là phụ nữ có thai được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Thủy. Ngoài ra, bị hại có đơn xin bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Không có.

Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt:

+ Bị cáo Lê Minh S từ 10 (mười) tháng tù đến 12 (mười hai) tháng tù giam.

+ Bị cáo Nguyễn Trần Thanh T từ 12 (mười hai) đến 16 (mười sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Huỳnh Thị Đ đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì.

Trong quá trình điều tra, những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về việc truy tố của Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến gì về việc truy tố của Viện kiểm sát, không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì đối với lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát.

Bị hại bà Huỳnh Thị Đ có ý kiến xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Trong lời nói sau cùng:

+ Bị cáo S: Trong thời gian tạm giam, bị cáo S đã ăn năn hối cải, nhận thức được hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

+ Bị cáo T: Xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất vì bị cáo còn phải nuôi con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TP. Biên Hòa, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo Lê Minh S, bị cáo Nguyễn Trần Thanh T khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Bản cáo trạng nêu. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Trong khoảng thời gian từ 18 giờ ngày 17/8/2020 đến 17 giờ 30 phút, ngày 18/8/2020, tại địa chỉ nhà số C95, tổ 31, khu phố 5, phường B, thành phố B, bị cáo Lê Minh S và bị cáo Nguyễn Trần Thanh T đã thực hiện hành vi lén lút trộm cắp tài sản của bà Huỳnh Thị Đ, trong đó, lần thứ nhất, bị cáo S lấy trộm 01 (một) cây quạt hiệu Sunhouse, model: SHD 7821 trị giá 560.000 đồng (năm trăm sáu mươi nghìn đồng); lần thứ hai, bị cáo S và bị cáo T lấy trộm 02 (hai) cái loa nhãn hiệu Power Audio Electronic, màu đen trị giá 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng); lần thứ ba, bị cáo S và bị cáo T lấy trộm 01 (một) bình ga nhãn hiệu VT — Gas, loại 12kg (không có gas trong bình); 01 (một) bếp ga nhãn hiệu Sakura - SA695SG, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 306, màu xanh, số Imel 355192055221 và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu LG — P509, màu xám, số Imel 012408007384150 trị giá 710.000 đồng (bảy trăm mười nghìn đồng), lần thứ tư, bị cáo S và bị cáo T lấy trộm 01 (một) tivi LG, màu đen, màn hình 49 inches, model 49UK6340PTF và 01 (một) âm ly nhãn hiệu Power, màu đen, model BA8800S, trị giá 9.295.000 đồng (chín triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản bị cáo S và bị cáo T đã chiếm đoạt của bị hại Huỳnh Thị Đ là 11.265.000 đồng (Mười một triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng), thì bị cáo S và bị cáo T bị phát hiện và bị xử lý theo quy định pháp luật.

Xét thấy, hành vi của các bị cáo như đã nêu trên, đã có đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản: tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Từ những căn cứ trên, xét thấy cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân thành phố Biên Hòa đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của mình.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo là người đã trưởng thành, có sức khỏe, có đầy đủ khả năng nhận thức pháp luật, biết hành vi trộm cắp là vi phạm pháp luật nhưng vì lợi ích cá nhân các bị cáo đã cố tình vi phạm pháp luật. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Vì vậy cần phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo và để phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Lê Minh S phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm

2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Hội đồng xét xử xem xét quyết định hình phạt khi lượng hình phạt đối với bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Trần Thanh T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Trần Thanh T còn thuộc trường hợp người phạm tội là phụ nữ có thai, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị hại có đơn xin bãi nại, và có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T, đây là tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử xem xét quyết định hình phạt khi lượng hình phạt đối với bị cáo T.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo S là người rủ rê, trực tiếp thực hiện 04 lần trộm cắp tài sản; bị cáo T tham gia chủ yếu với vai trò giúp sức, cảnh giới, trực tiếp thực hiện 01 lần lấy trộm tài sản. Do đó, hình phạt đối với các bị cáo tương xứng với vai trò của các bị cáo trong vụ án này. Với vai trò là người rủ rê, thực hiện tích cực hành vi trộm cắp tài sản, do đó hình phạt đối với bị cáo S cần nghiêm khắc hơn so với bị cáo T.

Bị cáo T có vai trò giúp sức trong vụ án, nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, n, s, khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có thể tự cải tạo sửa chữa việc sai trái đã làm mà không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội một thời gian. Cần giao bị cáo T cho chính quyền địa phương nơi bị cáo T cư trú giám sát, giáo dục để bị cáo T tự cải tạo sửa chữa, cũng đủ răn đe bị cáo T và giáo dục phòng ngừa chung, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo T hiện đang mang thai, lại không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, nên miễn khấu trừ thu nhập trong thời gian thi hành án; không áp dụng biện pháp lao động phục vụ cộng đồng đối với bị cáo T.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, bản thân lại không có thu nhập ổn định, nên không có điều kiện để thi hành hình phạt bổ sung là phạt tiền. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] *Về xử lý vật chứng:*

- 01 (một) tivi LG, màu đen, màn hình 49 inches, model 49UK6340PTF; 01 (một) âm ly nhãn hiệu Power, màu đen, model BA8800S; 02 (hai) cái loa nhãn hiệu Power Audio Electronic, màu đen; 01 (một) bình ga nhãn hiệu VT- Gas, loại 12kg (không có gas trong bình); 01 (một) bếp ga nhãn hiệu Sakura — SA695SG, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 306, màu xanh, số Imel 355192055221, 01 (một) điện thoại di động nhẩn hiệu LG — P509, màu xám, số Imel 012408007384150; 01 (một) cây quạt hiệu Sunhouse, model: SHD 7821. Tất cả các vật chứng thu giữ nêu trên là tài sản của bị hại Huỳnh Thị Đ, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà đã thu hồi trả lại cho bà Đ là đúng quy định pháp luật.

- Xe mô tô nhãn hiệu Levin màu đỏ, đen, biển số 86V1 — 4775, số khung: 013329, số máy: 0583248 (xe không có giấy tờ) là tài sản của bị cáo Lê Minh S đã sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội, do đó cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Huỳnh Thị Đ đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường, nên trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét.

[8] *Về án phí:*

Các bị cáo Lê Minh S, Nguyễn Trần Thanh T phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Lê Minh S phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Lê Minh S 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/8/2020.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, n, s khoản 1, khoản 2 điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trần Thanh T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trần Thanh T 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Trần Thanh T cho UBND phường 2, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án. Trong thời gian chấp hành án, người bị kết án phải thực hiện nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Trần Thanh T.

3. *Về vật chứng:* Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

+ Tịch thu sung vào công quỹ nhà nước xe mô tô nhãn hiệu Levin màu đỏ - đen, biển số 86V1 J4775, số khung: 013329, số máy: 0583248 theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hoà.

4. *Về án phí:* Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí.

Buộc bị cáo Lê Minh S, bị cáo Nguyễn Trần Thanh T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 *(Hai trăm nghìn)* đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo đối với Bản án:* Các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND. Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND. Tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Công an Tp Biên Hòa;
- VKSND. Tp Biên Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp Biên Hòa;
- UBND 2, quận 4, TP. Hồ Chí Minh;
- Các bị cáo; bị hại;
- Hồ sơ thi hành án;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trần Trúc Thủy